

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng
Công trình sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Tượng Liên, xã
Thạch Tượng, huyện Thạch Thành**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh Thanh Hoá phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Tượng Liên, xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 8121/SXD-HĐXD ngày 20/11/2023, kèm theo thông báo kết quả thẩm định số 8004/SXD-HĐXD ngày 15/11/2023 và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thạch Thành tại Tờ trình số 183/TTr-BQLDA ngày 15/9/2023 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Tượng Liên, xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Tượng Liên, xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành, với những nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Tượng Liên, xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

3. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thạch Thành.

4. Tổ chức khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Thành An.

5. Tổ chức thẩm tra thiết kế xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn An Thịnh.

6. Địa điểm xây dựng: xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành.

7. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

8. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng khu tái định cư liên kề cho 16 hộ dân nhằm đảm bảo an toàn tính mạng cho người dân thôn Tượng Liên và thôn Tượng Sơn, xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành; đồng thời, từng bước ổn định đời sống cho Nhân dân, hạn chế tới mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai, phát huy hiệu quả của đầu tư cơ sở hạ tầng, góp phần giảm nghèo bền vững, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới và củng cố an ninh, quốc phòng.

9. Nội dung và quy mô đầu tư:

Đầu tư khu tái định cư liên kề cho 16 hộ dân với diện tích khoảng 0,8ha, gồm các hạng mục chính: San lấp mặt bằng, đấu nối đường điện, nước với khu dân cư sở tại. Cụ thể:

9.1. Giải pháp thiết kế san lấp mặt bằng:

- Phạm vi san nền được chia làm 2 phần:

+ Phần san nền trong lô đất ở:

San nền tạo bề mặt đảm bảo khả năng thoát nước, cao độ san nền được không chế theo cao độ vỉa hè hai bên hiện trạng và cao độ các đường giao thông hiện trạng khác; địa hình hiện trạng chủ yếu là đồi, giải pháp nền là đào san lấp, mở mái taluy theo cao độ hiện trạng; san nền được tính toán theo phương pháp lưới ô vuông, kích thước ô lưới 10x10m; cao độ san nền cao nhất là +90,04m, thấp nhất là + 87,52m.

+ Phần san nền ngoài lô đất ở:

Bao gồm 04 tuyến, với tổng chiều dài L= 230,25m, cao độ san nền tuân thủ theo cao độ quy hoạch gồm: Tuyến N2 từ nút N2 đến nút N3 theo hướng Đông - Tây, dài 77,24m; Tuyến N3, từ nút N3 đến nút N4 theo hướng Bắc-Nam, dài 30,0m; Tuyến N4, từ nút N4 đến nút N5 theo hướng Tây - Đông, dài 75,51m; Tuyến N5, từ nút N2 đến nút N5 theo hướng Bắc - Nam, dài 47,50m;

- Phạm vi giữa 2 rãnh thoát nước các tuyến N2, N3, N4, N5 bề mặt được phủ cấp phối đá dăm loại 1 dày 20cm nhằm đảm bảo thoát nước, thuận tiện cho việc đi lại của nhân dân.

- Phạm vi giữa rãnh thoát nước và các lô đất các tuyến N2, N3, N4, N5 bề mặt được phủ cấp phối đá dăm loại 1 dày 12cm nhằm đảm bảo thuận tiện cho sinh hoạt của nhân dân.

- Gia cố mái taluy giáp khu vực đồi phía Tây Nam dự án nhằm đảm bảo ổn định cho dự án, chiều dài L=98,86m. Kết cấu mái taluy gồm: Móng, thân kè bằng đá học xây VXM mác 100; bố trí tầng lọc ngược để thoát nước; bố trí ống thoát nước bằng PVC D10 dọc thân mái taluy.

9.2. Giải pháp thiết kế hệ thống thoát nước:

- Hệ thống thoát nước được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy, thiết kế đi chung cùng một tuyến cống, thi công ngay sát sau ô đất, mương thoát nước thiết kế là mương xây gạch đặc không nung. Nước bẩn được xử lý qua bể tự hoại xây dựng bên trong công trình hoặc trong ô đất xây dựng của nhà dân, sau đó mới thải vào mương.

- Toàn bộ khu vực được chia làm 01 lưu vực, nước mưa từ các khu chức năng được thu gom và dẫn vào hệ thống rãnh dọc, sau đó thoát vào cống bản hiện trạng có khẩu độ 0,75m tại phía Đông khu đất.

- Xây dựng hệ thống rãnh kín xây gạch kích thước BxHtb=40x60cm dọc theo đường giao thông, chiều dài L= 372,0m, trên đó có bố trí hệ thống hố thu, cửa thu nhằm thu nước kết hợp nền, mặt đường để giảm kinh phí đầu tư.

- Xây dựng hệ thống rãnh chịu lực ngang đường kích thước BxHtb=40x60cm, chiều dài L= 49,0m.

- Phạm vi sát mép rãnh bố trí bó vỉa bằng BTXM mác 200 đá 1x2 kích thước 230x260mm, lắp ghép.

- Gờ vỉa được bố trí tại sát chỉ giới đường đỏ xung quanh các khu đất đã phân khu theo quy hoạch, để bảo vệ hành lang vỉa hè, giao thông. Gờ bó hè xây gạch bê tông VXM mác 75 dày 11cm, cao 22cm;

9.3. Giải pháp thiết kế cấp nước:

Nước sạch chủ yếu lấy từ nguồn nước giếng khoan và nước mặt (nước suối, mưa ...).

9.4. Giải pháp thiết kế hệ thống cấp điện sinh hoạt.

- Nguồn điện hạ thế 0,4Kv được đấu nối vào nguồn hạ thế tại cột số 30 (H7.5) đường dây 0,4KV xã Thạch Tượng. Đường dây 0,4kV được xây dựng nổi trên cột bê tông ly tâm để cấp điện tới các hộ gia đình bao gồm 02 lộ cụ thể như sau:

+ Lộ I: Từ điểm đấu nối đến cột 4/I sử dụng cáp bọc AVX-4x70mm² treo trên cột BTLT 8,5m với chiều dài 129,30m. Nhánh rẽ I-1 từ cột 2/I đến cột 2-1/I sử dụng cáp bọc ABC-4x70mm² treo trên cột BTLT 8,5m với chiều dài 36m.

+ Lộ II: Từ điểm đấu nối đến cột 5/I sử dụng cáp bọc AVX-4x70mm² treo trên cột BTLT 8,5m với chiều dài 150,9m.

10. Tổng mức đầu tư: 2.650.232.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, sáu trăm năm mươi triệu, hai trăm ba mươi hai nghìn đồng chẵn).

Trong đó:

- Chi phí GPMB	: 252.870.000	đồng;
- Chi phí xây dựng	: 1.948.097.508	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	: 41.632.189	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT	: 259.399.720	đồng;
- Chi phí khác	: 22.030.633	đồng;
- Chi phí dự phòng	: 126.201.503	đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

11. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh theo Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh; phần kinh phí giải phóng mặt bằng do ngân sách huyện Thạch Thành chi trả.

12. Số bước thiết kế: Thiết kế 01 bước.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

14. Thời gian thực hiện: Năm 2023-2025.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành.

1. Sở Xây dựng và Chủ đầu tư theo chức năng nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm toán,...) về tính chính xác, phù hợp của nội dung trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Tượng Liên, xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành.

2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đấu thầu năm 2013 và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

3. Trong quá trình triển khai các bước tiếp theo, yêu cầu Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thạch Thành có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các ý kiến của Sở Xây dựng tại thông báo kết quả thẩm định số 8004/SXD-HĐXD ngày 15/11/2023.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thạch Thành và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- PCT UBND tỉnh Lê Đức Giang;
- Lưu: VT, NN, TTPVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ biểu: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Công trình: Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Tượng Liên, xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí GPMB				252.870.000		252.870.000	Ggpmb
2	Chi phí xây dựng				1.793.872.335	154.225.173	1.948.097.508	Gxd
2.1	Chi phí xây dựng công trình chính				1.793.872.335	154.225.173	1.948.097.508	
2.1.1	SAN NỀN		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	885.012.762	75.873.461	960.886.223	
2.1.2	THOÁT NƯỚC		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	687.360.041	60.631.749	747.991.790	
2.1.3	CẤP ĐIỆN		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	221.499.532	17.719.963	239.219.495	
3	Chi phí quản lý dự án	2,901%		(Gxd+Gtb) trước thuế x0,8x tỷ lệ	41.632.189		41.632.189	Gqlda
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				244.036.778	15.362.942	259.399.720	Gtv
4.2	Chi phí khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	5,165%		Chủ đầu tư phê duyệt	130.693.519	10.455.481	141.149.000	
4.3	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	0,388%	1,2	Gxd trước thuế x tỷ lệ	8.352.270	668.182	9.020.452	
4.4	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	0,388%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	6.960.225	556.818	7.517.043	
4.5	Chi phí giám sát thi công xây dựng	2,566%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	46.030.764	3.682.461	49.713.225	
4.6	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	0,05%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	1.000.000		1.000.000	

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
4.7	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0,05%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	1.000.000		1.000.000	
4.8	Chi phí đăng ký môi trường			Tạm tính	50.000.000		50.000.000	
5	Chi phí khác				21.671.859	358.774	22.030.633	Gk
5.1	Chi phí bảo hiểm công trình	0,25%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	4.484.681	358.774	4.843.455	
5.2	Phí thẩm định	0,019%	0,5	Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	500.000		500.000	
5.3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,57%			14.385.640		14.385.640	
	<i>Phần GPMB</i>				<i>720.680</i>		<i>720.680</i>	
	<i>Phần xây dựng</i>				<i>13.664.961</i>		<i>13.664.961</i>	
5.4	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng	5%		Ggs trước thuế x tỷ lệ	2.301.538		2.301.538	
6	Chi phí dự phòng						126.201.503	Gdp
6.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	5%		(Ggpmb+Gxd+Gtb+Gqlđa+Gtv+Gk) sau thuế x tỷ lệ			126.201.503	
	Tổng cộng				2.354.083.161	169.946.889	2.650.231.553	Gxdct
	Làm tròn						2.650.232.000	